

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Cill K’ T**, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Số B, thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Ya N**, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số B, thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn E, Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Cill K’ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ya N kết hôn vào tháng 3 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình bà ở số B, thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông Ya N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn, quậy phá, đánh đập, hành hạ bà, bản thân bà và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Ya N vẫn không thay đổi. Hiện nay ông Ya N đã bỏ về nhà cha mẹ của ông ở Thôn 6, Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ở, tuy nhiên thỉnh thoảng vẫn về nhà quậy phá bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ya N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Cil Ly T, sinh ngày 12/11/2012 và Cill Ngọc T2, sinh ngày 05/4/2021, hiện các con đang ở với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung cho đến ngày các con thành niên, bà không yêu cầu ông Ya N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ya N đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Ya N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cill K' T, cho bà Cill K' T được ly hôn với ông Ya N.

Về con chung: Giao con chung tên Cil Ly T, sinh ngày 12/11/2012 và Cill Ngọc T2, sinh ngày 05/4/2021 cho bà K' T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Ya N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Cill K' T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung với ông Ya N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn ông Ya N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hiện cư trú tại thôn 6, Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Ya N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Ya N.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Cill K' T và ông Ya N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 19/3/2012, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Theo bà T trình bày cuộc sống chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông Ya N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn, quậy phá, đánh đập bà. Tại phiên tòa bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ya N. Xét lời trình bày của bà T phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương, thể hiện nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa bà T và ông Ya N là do ông Ya N thường ăn nhậu say xỉn, không lo làm ăn, hiện ông Ya N và bà K' T không còn sống chung. Mặt khác, ông Ya N dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp, phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để hàn gắn. Như vậy, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà K' T và ông Ya N đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Cill K' T.

[4] Về con chung: Bà K' T và ông Ya N có 02 con chung tên là Cil Ly T, sinh ngày 12/11/2012 và Cill Ngọc T2, sinh ngày 05/4/2021. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của

bà K' T, Hội đồng xét xử xét thấy: Con Cil Ly T có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, còn con Ngọc T2 còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), các con đều là con gái, từ trước tới nay đều do bà T chăm sóc, trong khi đó ông Ya N không có ý kiến, nguyện vọng của mình về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Cil Ly T và Cill Ngọc T2 cho bà Cill K' T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Cill K' T không yêu cầu ông Ya N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung:* Bà Cill K' T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về nợ chung:* Bà Cill K' T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cill K' T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với ông Ya N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cill K' T được ly hôn với ông Ya N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cil Ly T, sinh ngày 12/11/2012 và Cill Ngọc T2, sinh ngày 05/4/2021 cho bà Cill K' T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên. Ông Ya N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Cill K' T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T

đã nộp theo biên lai thu số 0007406 ngày 12/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Cill K' T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 50, ngày 19/3/2012);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng